**NỘI DUNG CHÍNH TRONG DỰ THẢO LUẬT THỦY LỢI**

Dự thảo Luật Thủy lợi gồm có 8 Chương, 67 Điều được bố cục như sau:

**1. Chương I. Những quy định chung, gồm 8 điều, từ Điều 1 đến Điều 8 quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ; những nguyên tắc trong hoạt động về thủy lợi; chính sách; khoa học công nghệ; hợp tác quốc tế về thủy lợi; các hành vi bị cấm,** cụ thể:

- Dự thảo luật đã giải thích một số từ ngữ về hoạt động thủy lợi, công trình thủy lợi, hệ thống công trình thủy lợi, công trình phụ trợ phục vụ quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi, xây dựng công trình thủy lợi, công trình đầu mối, kênh, đường ống, xi phông, công trình trên kênh, đất xây dựng công trình thủy lợi, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, công trình có liên quan, vùng ngập lụt hạ du đập, tình huống khấn cấp đối với đập, kiểm định an toàn đập, chủ đập, chủ quản lý vận hành đập, tổ chức hợp tác dùng nước, hoạt động cấp nươc sạch, sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, khai thác tổng hợp công trình thủy lợi, xã hội hóa công tác thủy lợi....(Điều 3).

- Dự thảo luật cũng quy định rõ 5 nguyên tắc trong hoạt động thủy lợi (Điều 4).

-Về chính sách trong hoạt động thủy lợi: ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm quốc gia, công trình vùng kinh tế trọng điểm, vùng đặc biệt khó khăn về cấp, thoát nước (Điều 5).

- Quy định các hoạt động khoa học, công nghệ về thủy lơi (Điều 6).

- Hợp tác quốc tế về thủy lợi Dự thảo Luật (Điều 7).

- Quy định các hành vi bị cấm trong hoạt động thủy lợi được thể hiện tại Điều 8 với 12 hành vi bị cấm. Các hành vi này sẽ được quy định chi tiết đồng thời có chế tài xử lý vi phạm tại Nghị định hướng dẫn về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy lợi (Điều 8).

**2. Chương II. Điều tra cơ bản, Chiến lược, Quy hoạch thủy lợi, gồm 7 điều, từ Điều 9 đến Điều 15, quy định về điều tra cơ bản, chiến lược và quy hoạch thủy lợi.**

 - Điều tra cơ bản thủy lợi để thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy; nội dung điều tra cơ bản thủy lợi (Điều 9).

 - Dự thảo quy định nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển thủy lợi, trong đó quy định chiến lược phát triển thủy lợi được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 20 năm (Điều 10).

 - Quy hoạch thủy lợi (Điều 11).

- Công bố và thực hiện quy hoạch thủy lợi: Công bố trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày phê duyệt (Điều 14).

- Kế hoạch phát triển thủy lợi bao gồm kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, kế hoạch được xây dựng trên cơ sở quy hoạch được duyệt và căn cứ tiêu chí đánh giá hiệu quả, sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn dự án đầu tư; trách nhiệm xây dựng, ban hành tiêu chí hướng dẫn, trách nhiệm tổ chức xây dưng và thực hiện kế hoạch phát triển thủy lợi (Điều 15).

 **3. Chương III. Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, gồm 5 điều, từ Điều 16 đến Điều 20 quy định về đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.**

- Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quy định trong Dự thảo Luật gồm: Về hình thức: gồm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thuỷ lợi; về nội dung gồm xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị kết hợp triển khai các biện pháp phi công trình và các quy định: Dự thảo Luật quy định 4 nguyên tắc trong đầu tư xây dựng công trình thủy lợi; yêu cầu chung về đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, đồng bộ, khép kín theo hệ thống, phải tuân thủ pháp luật về đầu tư, xây dựng, và các quy định khác của pháp luật có liên quan (Điều 16, Điều 17).

 - Về các yêu cầu cụ thể đối với đập của hồ chứa nước và các công trình liên quan và vùng hạ du đập; đối với cống, đập ngăn sông, yêu cầu đối với các trạm bơm, các công trình dẫn nước, chuyển nước; Quy định đối với việc nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi (Điều 18).

 - Về bảo đảm an toàn đập trong đầu tư xây dựng trong đó các nội dung: phân loại đập; năng lực của chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn; xây dựng; thiết kế đập, thi công xây dựng; kiểm tra, kiểm định an tòa đập; Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết điều này (Điều 19).

- Về qũy đất dành cho công trình thuỷ lợi được xác định theo quy hoạch thủy lợi được phê; quy định về quản lý đất của hệ thống công trình thủy lợi; trách nhiệm giải phóng mặt bằng, bồi thường thiệt hại (Điều 20).

**4. Chương IV. Quản lý khai thác công trình thủy lợi, gồm 3 Mục từ 1 đến 3 với 26 điều, từ Điều 21 đến Điều 46 , quy định tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi; quản lý vận hành công trình thủy lợi; tài chính trong quản lý khai thác công trình thủy lợi.**

a) Mục 1, Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi, gồm 8 điều, từ Điều 21 đến Điều 28

- Dự thảo Luật quy định 6 nguyên tắc tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi (Điều 21).

- Quy định việc lựa chọn tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi phải đảm bảo các yêu cầu về năng lực chuyên môn, tư cách pháp nhân, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả (Điều 22, 23).

- Tổ chức hợp tác dùng nước bao gồm hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong đó có thực hiện dịch vụ thủy lợi, tổ hợp tác dùng nước, tổ dịch vụ thủy lợi, ban quản lý thủy nông cấp xã, các loại hình này được thành lập trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng về quyền và trách nhiệm, có sự tham gia của người hưởng lợi và có sự đồng thuận của chính quyền địa phương; được giao quản lý khai thác công trình thủy lợi có kỹ thuật đơn giản, phạm vi phục vụ cấp xã hoặc liên xã, quy định trách nhiệm hướng dẫn thành lập hợp tác xã có làm dịch vụ thủy lợi, tổ hợp tác dùng nước (Điều 24).

- Đối với cá nhân có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật có thể được giao khai thác công trình thủy lợi do nhà nước đầu tư xây dựng; công trình do cá nhân đầu tư xây dựng phải được tổ chức quản lý khai thác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Điều 25).

- Về quan hệ giữa tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi với người hưởng lợi và các bên liên quan, cụ thể: việc cung ứng và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thông qua hợp đồng; tổ chức quản lý khai thác công trìnhthủy lợi có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao (Điều 26).

- Phân cấp khai thác công trình thủy lợi: cơ sở để xác định chủ khai thác; loại hình, quy mô, năng lực công trình và đặc điểm từng vùng, miền là các tiêu chí để phân cấp khai thác công trình; trách nhiệm ban hành quy định tiêu chí phân cấp và điều kiện năng lực khai thác công trình thủy lợi và thẩm quyền quyết định phân cấp cũng được qui định tại Điều này (Điều 27).

- Về Hội đồng quản lý hệ thống công trình thủy lợi, nhiệm vụ, thành phần tham gia và cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi thường trực giúp việc hội đồng; thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quản lý đối với hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh và trách nhiệm hướng dẫn thành lập hội đồng quản lý đối với hệ thống công trình thủy lợi khác (Điều 28).

b) Mục 2. Quản lý vận hành công trình thủy lợi, gồm 4 điều, từ Điều 29 đến Điều 32, quy định về vận hành công trình thủy lợi; quy trình vận hành; vận hành công trình thủy lợi trong trường hợp thiên tai; vận hành đập, cụ thể:

- Vận hành công trình thủy lợi bao gồm: tuân thủ quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; an toàn công trình và vùng hạ du; thống nhất theo lưu vực sông, hệ thống thủy lợi từ thượng lưu tới hạ lưu, từ công trình đầu mối tới mặt ruộng hoặc công trình nhận nước của người sử dụng; hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro, hạn chế tác động bất lợi đến các vùng liên quan (Điều 29).

- Về vận hành công trình thủy lợi, Dự thảo Luật quy định trước khi đưa công trình vào vận hành khai thác phải có quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy trình vận hành phải đáp ứng quy định tại Điều 29; áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong dự báo, cảnh báo sớm để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thiểu rủi ro; quy định trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức lập, phê duyệt quy trình đối với hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia, công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh (Điều 30).

- Vận hành công trình thủy lợi trong trường hợp thiên tai, trong đó quy định cụ thể trong đối với trường hợp xảy ra lũ, lụt, ngập úng việc vận hành phải bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu thiệt hại cho hạ du, trường hợp xảy ra hạn hán việc vận hành phải bảo đảm ưu tiên cấp nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; trường hợp xảy ra xâm nhập mặn phải khống chế độ mặn theo yêu cầu phục vụ sản xuất, dân sinh và môi trường, việc vận hành công trình trong trường hợp xảy ra thiên tai phải thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về Phòng chống thiên tai (Điều 31).

- Về vận hành đập quy định trách nhiệm của chủ đập, chủ quản lý vận hành đập; quy định các loại đập phải lập, phê duyệt phương án đối phó với các tình huống khẩn cấp trước khi đưa công trình vào vận hành; Dự thảo Luật giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết về vận hành đập (Điều 32).

c) Mục 3. Tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi gồm 13 điều, từ Điều 33đến Điều 46,

- Về nguồn tài chính của tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi (Điều 33).

- Về quản lý và sử dụng nguồn thu từ việc cung ứng sản phẩm dịch vụ thủy lợi trong đó quy định nội dung được chi, trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến điều này (Điều 32)

- Về phạm vi định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được quy định cụ thể: đối với các hệ thống công trình thủy lợi do nhà nước đầu tư xây dựng; đối với các hệ thống công trình thủy lợi do các tổ chức hợp tác dùng nước quản lý; hệ thống công trình thủy lợi do nhà nước và các tổ chức, cá nhân kết hợp đầu tư xây dựng (Điều 35).

 - Về phạm vi xác định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi quy định cụ thể đối với các hệ thống công trình thủy lợi do nhà nước đầu tư xây dựng; đối với các hệ thống công trình thủy lợi do các tổ chức hợp tác dùng nước quản lý; các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và quản lý. Điều 36 quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được quy định theo mức gia cụ thể, khung giá hoặc giá tối thiểu, giá tối đa; Dự thảo Luật quy định danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được tính theo mức giá cụ thể, danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được tính theo giá tối thiểu, giá tối đa và danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do khai thác tổng hợp công trình thủy lợi được tính theo khung giá (Điều 36).

- Về thẩm quyền quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của Chính phủ, thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; và thẩm quyền tự định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo quy định của Chính phủ (Điều 37).

- Về nguyên tắc, căn cứ định giá và chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (Điều 38, 39 và 40).

- Về miễn, giảm thủy lợi phí đây là một trong những nội dung quan trọng của Dự thảo Luật quy định đối tượng được miễn, giảm, mức miễn giảm đối với từng loại đối tượng sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết thực hiện điều này (Điều 41).

- Về định mức sử dụng nước, mua, bán, trao đổi quyền sử dụng nước từ công trình thủy lợi (Điều 42).

- Về hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; bảo đảm tài chính của tổ chức, cá nhân quản lý khi thác công trình thủy lợi; chính sách thủy lợi nội đồng; phân chia nguồn thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa các chủ thể cùng tham gia quản lý khai thác một hệ thống công trình thủy lợi (Điều 43, 44, 45 và 46).

**5. Chương V. Bảo vệ công trình thủy lợi gồm 8 điều, từ Điều 47 đến Điều 54**

 - Về phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi bao gồm: công trình, đất, mặt nước thuộc công trình và hành lang bảo vệ công trình; hành lang bảo vệ công trình được xác định tùy thuộc vào qui mô, đặc điểm của công trình, khi có sự thay đổi tiêu chuẩn, quy mô, mục đích sử dụng phải điều chỉnh hành lang bảo vệ; Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định cụ thể phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Điều 47).

 - Về trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi của tổ chức, cá nhân. Điều 49 quy định về cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hành làng thoát lũ đối với công trình xây dựng mới, công trình đang khai thác và trách nhiệm bảo vệ mốc chỉ giới của tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi (Điều 48).

 - Về quản lý các hoạt động liên quan đến thoát lũ, chỉnh trị sông, phòng, chống sạt, lở bờ, bãi (được quy định chi tiết trong 5 khoản tại Điều 50)

- Về cấp phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và trách nhiệm hướng dẫn về trình tự, thủ tục cấp phép (Điều 51).

- Về điều kiện thay đổi quy mô, mục đích sử dụng công trình thủy lợi; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường khi được phép thay đổi quy mô, mục đích sử dụng công trình thủy lợi (Điều 52).

 - Về việc bồi thường công trình thủy lợi hiện có trên đất nhưng diện tích đó được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng (Điều 53).

 - Việc xử lý công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Điều 54).

**6. Chương VI quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong hoạt động về thủy lợi gồm 8 điều, từ Điều 55 đến Điều 62**

- Về quy định cá nhân và công đồng dân cư nói chung có quyền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để phục vụ đời sống và phát triển kinh tế, tham gia ý kiến trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch phát triển thủy lợi. Đề xuất kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong xây dựng, quản lý, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi, giám sát các hoạt động của tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các quyền liên quan đến các hoạt động về thủy lợi theo quy định của pháp luật (Điều 55)

- Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng động dân cư nói chung trong các hoạt về thủy lợi (Điều 56).

- Về quyền của các tổ chức trong hoạt động về thủy lơi, trong đó quy định cụ thể quyền của tổ chức kinh tế; quyền của tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị- xã hội nghệ nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghệ nghiệp. Điều 58 trách nhiệm của các tổ chức trong hoạt động về thủy lợi (Điều 57).

- Về quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi. Về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được (Điều 59, 60, 61 và 62).

**7. Chương VII Quản lý Nhà nước về thủy lợi,**

- Về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi đối với tổ chức, cá nhân (Điều 65).